

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2024

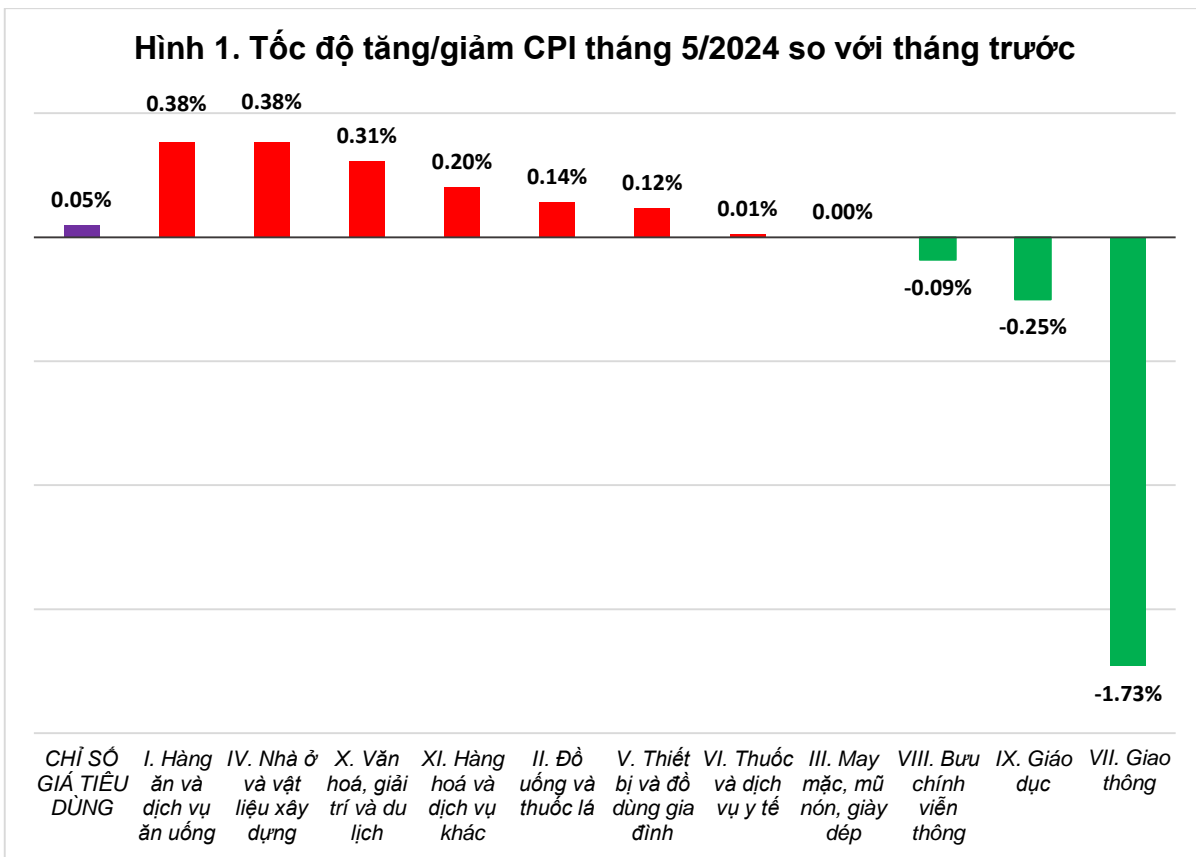
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG NĂM VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Giá thị trường tăng do thiếu hụt nguồn cung sau đợt dịch tả lợn châu Phi vào cuối năm 2023, giá điện sinh hoạt tăng khi thời tiết nắng nóng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2024 tăng 0,05% so với tháng trước. So với tháng 12/2023 CPI tháng Năm tăng 1,24% và so với cùng kỳ năm trước tăng 4,44%.

Bình quân 5 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 4,03% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,78%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 5/2024

So với tháng trước, CPI tháng 5/2024 tăng 0,05% (khu vực thành thị tăng 0,04%; khu vực nông thôn tăng 0,05%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 07 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước; 03 nhóm hàng giảm giá và 01 nhóm hàng ổn định giá.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 5/2024 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,38%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 5/2024 tăng 0,38% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,13 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 0,59%, tác động tăng 0,13 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,14%, tác động tăng 0,01 điểm phần trăm; nhóm lương thực giảm 0,26%, góp phần giảm 0,01 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (-0,26%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 5/2024 giảm 0,26% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo giảm 0,32% (Gạo tẻ thường giảm 0,38%; gạo nếp giảm 0,26%; gạo tẻ ngon giảm 0,11%). Giá gạo trong nước giảm theo giá gạo xuất khẩu và các địa phương đang thu hoạch vụ đông xuân nên nguồn cung gạo tăng.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.900-18.500 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.400-23.500 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 22.200-24.000 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.000-41.000 đồng/kg.

Bên cạnh đó, giá các mặt hàng lương thực chế biến khác như giá khoai tháng Năm giảm 4,61% so với tháng trước; sắn giảm 0,22%; ngũ cốc ăn liền giảm 0,02%.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng lương thực tăng giá so với tháng trước như ngô tăng 1,31%; ngũ cốc khác tăng 0,52%; bún, bánh phở, bánh đa tăng 0,29%; bột ngô tăng 0,27% và bánh mì tăng 0,19%.

1.2. Thực phẩm (+0,59%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 5/2024 tăng 0,59% so với tháng trước, tăng chủ yếu ở một số mặt hàng sau:

- Giá nhóm rau tươi, khô và chế biến tăng 2,19% so với tháng trước, trong đó giá cà chua tăng 14,2%; rau bắp cải tăng 6,73%; su hào tăng 4,17%; đỗ quả tươi tăng 4,08%; rau gia vị tươi, khô tăng 1,71% do thời tiết nắng nóng gay gắt ảnh hưởng đến nguồn cung rau củ tại nhiều địa phương.

- Giá thịt lợn tháng Năm tăng 1,94% so với tháng trước do nguồn cung thiếu hụt sau đợt dịch tả lợn châu Phi vào cuối năm 2023. Tính đến ngày 24/5/2024, giá thịt lợn hơi dao động từ 64.000-68.000 đồng/kg, tăng 3.000-5.000 đồng/kg so với tháng trước. Theo đó, giá mỡ động vật tăng 1,81%; thịt quay, giò chả tăng 0,56%; thịt chế biến khác tăng 0,17%; thịt hộp tăng 0,16%.

- Giá chè, cà phê, ca cao tăng 0,38%; sữa, bơ, phô mai tăng 0,2%; đồ gia vị tăng 0,18%.

- Giá thủy sản tươi sống tăng 0,11% theo giá nguyên liệu đầu vào.

Bên cạnh các mặt hàng tăng giá, một số mặt hàng thực phẩm trong tháng có giá giảm so với tháng trước:

- Giá thịt gia cầm giảm 0,12% do nguồn cung được bảo đảm, trong đó giá thịt gà giảm 0,22%; trứng các loại giảm 1,01%; thịt bò giảm 0,02%.

- Giá quả tươi, chế biến giảm 0,28% so với tháng trước, trong đó giá xoài giảm 0,75%; chuối giảm 0,73%; táo giảm 0,25% do năng suất cây trồng cao nên nguồn cung các loại quả dồi dào.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,14%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 5/2024 tăng 0,14% so với tháng trước do thời tiết nắng nóng và dịp nghỉ Lễ 30/4-1/5 kéo dài nên nhu cầu tiêu dùng tăng. Trong đó, giá uống ngoài gia đình tăng 0,39%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,2%; ăn ngoài gia đình tăng 0,1%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,14%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 5/2024 tăng 0,14% so với tháng trước do thời tiết nắng nóng, oi bức nên nhu cầu tiêu dùng đồ uống giải khát tăng, cụ thể: Giá nước khoáng tăng 0,14%; bia các loại tăng 0,11%; nước quả ép tăng 0,09% và rượu các loại tăng 0,01%. Giá thuốc hút tăng 0,27% so với tháng trước do tỷ giá tăng.

3. May mặc, mũ nón và giày dép (0%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tháng Năm giữ mức giá ổn định so với tháng trước do các doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh thực hiện nhiều chương trình khuyến mại kích cầu mua sắm đầu mùa Hè. Trong đó, giá quần áo may sẵn giảm 0,02%; khăn mặt, khăn quàng, găng tay, thắt lưng, bút tất giảm 0,08%. Ngược lại, giá dịch vụ giày dép tăng 0,4%; dịch vụ may mặc tăng 0,23% và mũ nón tăng 0,2% do giá nguyên liệu đầu vào và giá nhân công tăng.

4. Nhà ở và vật liệu xây dựng (+0,38%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 5/2024 tăng 0,38% so với tháng trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Giá điện sinh hoạt tháng Năm tăng 2,11% so với tháng trước¹ do thời tiết nắng nóng kéo dài, dẫn đến nhu cầu sử dụng điện của người dân tăng lên.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,28% do giá cát, thép tăng cao theo nhu cầu xây dựng tăng.

- Giá thuê nhà tăng 0,23% do nhu cầu thuê nhà ở tăng.

Bên cạnh các mặt hàng tăng giá, có một số mặt hàng giảm giá:

- Giá dầu hỏa giảm 5,23% so với tháng trước do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

¹ Chỉ số giá điện sinh hoạt tháng 5/2024 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 4/2024.

- Giá gas giảm 1,6% so với tháng trước do từ ngày 01/5/2024, giá gas trong nước điều chỉnh giảm 7.300 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới giảm 35 USD/tấn so với tháng trước xuống mức 582,5 USD/tấn.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,12%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 5/2024 tăng 0,12% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở các mặt hàng điện lạnh do thời tiết nắng nóng nên nhu cầu tiêu dùng tăng. Trong đó, giá tủ lạnh tăng 0,7% so với tháng trước; bàn là điện tăng 0,56%; quạt điện tăng 0,38%; điều hòa nhiệt độ tăng 0,3%. Ngược lại, giá máy xay sinh tố, máy ép hoa quả giảm 0,45%; bình nước nóng nhà tắm giảm 0,32% do các chương trình khuyến mại kích cầu mua sắm.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,01%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng Năm tăng 0,01% so với tháng trước, nguyên nhân chủ yếu do thời tiết nắng nóng, số ca nhiễm bệnh sởi, thủy đậu, tay chân miệng tăng nhanh nên người dân có nhu cầu mua các loại thuốc tăng cường hệ miễn dịch. Trong đó, giá nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm tăng 0,18%; nhóm thuốc vitamin và khoáng chất tăng 0,16%; nhóm thuốc hóa môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết tăng 0,15%; nhóm thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,11%; nhóm thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,1%; thuốc tim mạch giảm 0,08%.

7. Giao thông (-1,73%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 5/2024 giảm 1,73% so với tháng trước góp phần giảm CPI chung 0,17 điểm phần trăm, chủ yếu do giá xăng trong nước giảm 4,72%; giá dầu diezen giảm 5,08% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

Ở chiều ngược lại, có một số nhóm hàng tăng giá trong tháng Năm như sau:

- Giá nhóm phương tiện đi lại tăng 0,11% so với tháng trước, trong đó giá xe ô tô mới tăng 0,16%; xe ô tô đã qua sử dụng tăng 0,13%; xe máy tăng 0,06% chủ yếu do tỷ giá tăng mạnh, dẫn đến chi phí nhập khẩu linh kiện và xe nguyên chiếc tăng.

- Giá vận tải hành khách bằng taxi tăng 0,94%; vận tải hành khách kết hợp tăng 0,22%; đường thủy tăng 0,18%; đường bộ tăng 0,1% do nhu cầu đi lại dịp nghỉ Lễ 30/4 và 1/5 tăng.

- Phí thuê ô tô, xe máy tự lái tăng 0,22%; phí học bằng lái xe tăng 0,1% do nhu cầu cao.

- Giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,33%, trong đó giá sửa chữa xe đạp tăng 0,76% và sửa chữa xe máy tăng 0,31%.

8. Bưu chính viễn thông (-0,09%)

Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng 5/2024 giảm 0,09% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do các doanh nghiệp thực hiện chương trình khuyến mại đối với một số loại điện thoại di động mẫu mã cũ, phụ kiện máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng.

9. Giáo dục (-0,25%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 5/2024 giảm 0,25% so với tháng trước, góp phần giảm CPI chung 0,02 điểm phần trăm, trong đó dịch vụ giáo dục giảm 0,3%². Nguyên nhân chủ yếu do ngày 31/12/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, trong đó yêu cầu các địa phương giữ ổn định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 bằng mức thu học phí của năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, theo đó một số trường học đã điều chỉnh giảm mức học phí sau khi đã thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,31%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng Năm tăng 0,31% so với tháng trước, trong đó giá dịch vụ du lịch trọn gói tăng 1,12%; nhà khách, khách sạn tăng 0,28% do trong tháng có kỳ nghỉ Lễ 30/4-1/5 kéo dài nên nhu cầu đi du lịch của người dân tăng cao.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,2%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 5/2024 tăng 0,2% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở mặt hàng đồ dùng cá nhân tăng 0,6%. Trong đó, giá đồ trang sức tăng 3,3% theo giá vàng trong nước; dịch vụ hành chính, pháp lý tăng 0,28%; dịch vụ hiếu hỉ tăng 0,12%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 0,09%.

12. Chỉ số giá vàng (+3,81%)

Giá vàng trong nước cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 24/5/2024, bình quân giá vàng thế giới ở mức 2.352,56 USD/ounce, tăng 1,3% so với tháng 4/2024. Gia tăng rủi ro địa chính trị ở khu vực Trung Đông cùng với nhu cầu dự trữ của các ngân hàng trung ương và nhà đầu tư là những nguyên nhân chính dẫn đến giá vàng trên thế giới liên tục tăng cao. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 5/2024 tăng 3,81% so với tháng trước; tăng 21,47% so với tháng 12/2023; tăng 32,18% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 5 tháng đầu năm 2024 tăng 22,95%.

13. Chỉ số giá đô la Mỹ (+1,15%)

Tính đến ngày 24/5/2024, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 105,06 điểm, tăng 0,1% so với tháng trước do hoạt động sản xuất, kinh doanh của Mỹ tăng tốc khi chỉ số PMI tổng hợp tháng 5/2024 lên mức 54,4 là mức cao nhất

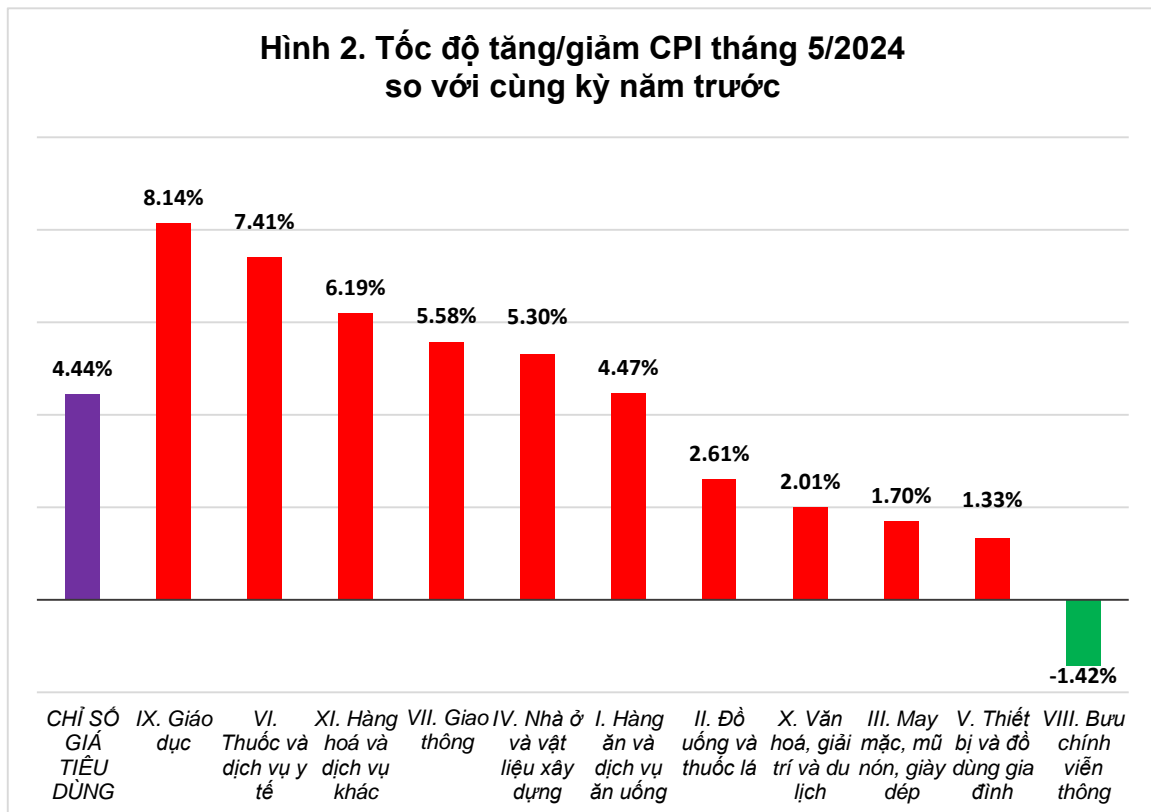
² Một số địa phương có chỉ số giá dịch vụ giáo dục tháng 5/2024 giảm so với tháng trước: Cao Bằng giảm 28,79%; Gia Lai giảm 22,32%; Quảng Ninh giảm 5,2%.

kể từ tháng 4/2022. Trong nước, nhu cầu ngoại tệ cho hoạt động nhập khẩu của các doanh nghiệp tăng cao, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.464 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 5/2024 tăng 1,15% so với tháng trước; tăng 4,21% so với tháng 12/2023; tăng 7,85% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 5 tháng đầu năm 2024 tăng 5,24%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng Năm từ năm 2020 đến năm 2024

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
CPI tháng 5 so với tháng trước	-0,03	0,16	0,38	0,01	0,05
CPI tháng 5 so với cùng kỳ năm trước	2,40	2,90	2,86	2,43	4,44
CPI tháng 5 so với tháng 12 năm trước	-1,24	1,43	2,48	0,40	1,24
CPI bình quân 5 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước	4,39	1,29	2,25	3,55	4,03

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 5/2024 tăng 4,44%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10 nhóm tăng giá và 01 nhóm giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tháng 5/2024 tăng so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm giáo dục tăng cao nhất với 8,14% làm CPI chung tăng 0,5 điểm phần trăm do trong năm học 2023-2024 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,41%, làm CPI chung tăng 0,4 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,19%, trong đó lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 12,6%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 7,6%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 5,49%; dịch vụ về hiếu hỉ tăng 2,55%.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,3% tác động làm CPI chung tăng 1 điểm phần trăm do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở và giá nhà ở thuê tăng.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,47%, tác động làm CPI chung tăng 1,5 điểm phần trăm, trong đó nhóm lương thực tăng 14,83%; ăn uống ngoài gia đình tăng 4,25%; thực phẩm tăng 2,87%.

- Nhóm giao thông tăng 5,58% làm CPI chung tăng 0,54 điểm phần trăm, trong đó dịch vụ giao thông công cộng tăng 49,18%; xăng dầu tăng 9,03%; bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 4,95%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,61%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm, chủ yếu do giá nguyên liệu sản xuất đồ uống, chi phí vận chuyển tăng.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,01%, tác động làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm.

Riêng chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng 5/2024 giảm 1,42% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại thể hệ cũ giảm.

So với tháng 12/2023, CPI tháng Năm tăng 1,24%, trong đó có 09 nhóm hàng tăng giá và 02 nhóm giảm giá.

Các nhóm hàng tăng giá:

- Nhóm giao thông tăng cao nhất với mức tăng 3,67% so với tháng 12/2023, trong đó chỉ số giá xăng dầu tăng 7,25% do các đợt điều chỉnh giá từ tháng 01/2024 đến nay, làm cho giá xăng A95 tăng 1.070 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 1.090 đồng/lít; giá dầu diezen tăng 50 đồng/lít.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 2% do một số mặt hàng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, thuốc dùng cho đường hô hấp tăng giá.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,89% chủ yếu do giá cát tăng khi thiếu nguồn cung và giá thép tăng do nhu cầu tiêu dùng tăng lên; chỉ số giá nước sinh hoạt tăng 2,34%; điện sinh hoạt tăng 5,01%; gas đun tăng 0,55%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính tăng 2,02%.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,72% do giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng, các dịch vụ về cưới hỏi, dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,42% do giá lương thực, thực phẩm và ăn uống ngoài gia đình tăng.

- Nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 1,34% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,11% do nhu cầu tăng vào dịp Lễ, Tết và mùa hè.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,63% do nhu cầu sử dụng tăng.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,45%, trong đó dịch vụ giày dép tăng 3,32%; dịch vụ may mặc tăng 1,41%; giày dép tăng 0,55%; may mặc khác tăng 0,42%.

Ở chiều ngược lại, có 02 nhóm hàng giảm giá:

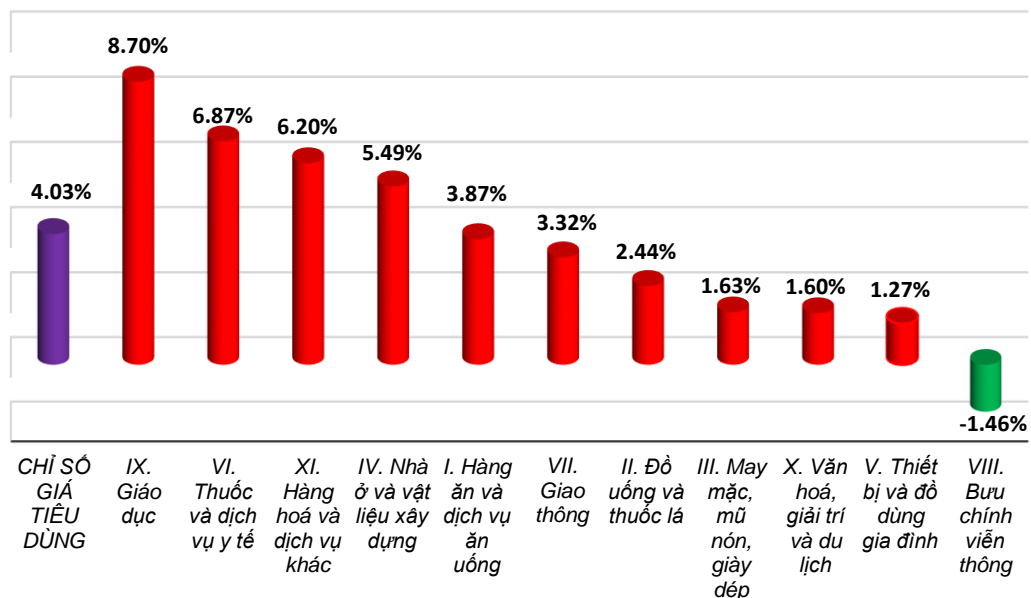
- Nhóm giáo dục giảm 3,98% so với tháng 12/2023 do thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ, một số địa phương đã điều chỉnh giảm mức học phí sau khi đã thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,49% do một số mặt hàng điện thoại thông minh mẫu cũ giảm giá.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 5 tháng đầu năm 2024 tăng 4,03% so với cùng kỳ năm 2023.

Hình 3. Tốc độ tăng/giảm CPI bình quân 5 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



1. Yếu tố làm tăng CPI 5 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 8,7% do trong năm học 2023-2024 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí, làm CPI chung tăng 0,54 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 6,87%, tác động làm CPI chung tăng 0,37 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,49%, làm CPI chung tăng 1,03 điểm phần trăm, do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào và giá thuê nhà ở tăng cao.

- Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,6%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

2. Yếu tố làm giảm CPI 5 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông 5 tháng đầu năm 2024 giảm 1,46% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại thế hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với các dòng điện thoại thông minh đưa ra thị trường sau một thời gian.

III. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản³ tháng 5/2024 tăng 0,15% so với tháng trước, tăng 2,68% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 5 tháng đầu năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,78% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,03%), chủ yếu do giá lương thực, xăng dầu, dịch vụ giáo dục và dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Năm từ năm 2020 đến năm 2024

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Lạm phát cơ bản tháng 5 so với tháng trước	-0,03	0,15	0,29	0,27	0,15
Lạm phát cơ bản tháng 5 so với cùng kỳ năm trước	2,54	1,13	1,61	4,54	2,68
Lạm phát cơ bản 5 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước	2,88	0,82	1,10	4,83	2,78

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

³ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.